

Số: /TTr-UBND

Nghi Xuân, ngày tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu xây dựng công trình Xây dựng các tuyến đường nội thị của thị trấn Xuân An, huyện Nghi Xuân

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của UBND tỉnh, ban hành quy định một số nội dung về quản lý, thực hiện dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc Quyết định đầu tư một số dự án đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Xây dựng các tuyến đường nội thị của thị trấn Xuân An, huyện Nghi Xuân;

Căn cứ Văn bản số 760/SXD-PTĐT&HT ngày 05/11/2019 của Sở Xây dựng Hà Tĩnh về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Xây dựng các tuyến đường nội thị của thị trấn Xuân An, huyện Nghi Xuân;

Căn cứ Văn bản số 7599/UBND-GT1 ngày 14/11/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo KTKT và thiết kế, dự toán các công trình, dự án;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ nguồn vốn thanh toán và triển khai thực hiện một số công trình, dự án trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư

xây dựng công trình Xây dựng các tuyến đường nội thị của thị trấn Xuân An, huyện Nghi Xuân;

Căn cứ Quyết định số 1636 /QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán xây dựng công trình Xây dựng các tuyến đường nội thị của thị trấn Xuân An, huyện Nghi Xuân.

Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân trình UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu xây dựng công trình Xây dựng các tuyến đường nội thị của thị trấn Xuân An, huyện Nghi Xuân, với những nội dung sau:

I. MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN:

1. Tên Dự án: Xây dựng các tuyến đường nội thị của thị trấn Xuân An, huyện Nghi Xuân.

2. Tổng mức đầu tư:

- Tổng mức đầu tư được phê duyệt tại Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 12/04/2019 của UBND tỉnh: **50.000.000.000 đồng**

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	36.692.624.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	695.918.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	2.660.542.000 đồng
- Chi phí khác:	2.183.839.000 đồng
- Chi phí GPMB:	3.543.784.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	4.223.293.000 đồng

- Tổng dự toán được phê duyệt tại QĐ số 1636/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của UBND huyện: **48.221.569.000 đồng**

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	32.009.029.000 đồng
- Chi phí QLDA:	701.289.000 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	2.109.389.000 đồng
- Chi phí khác:	699.387.000 đồng
- Chi phí đền bù GPMB (TT):	9.150.566.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	3.551.909.000 đồng

3. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân.

4. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh từ các nguồn tăng thu (bao gồm cả tăng thu tiền đất), tiết kiệm chi; nguồn XDCB tập trung bổ sung trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và nguồn NSTW hỗ trợ cân đối cho địa phương (nếu có); các nguồn vốn hợp pháp khác. (Đã được bố trí 15 tỷ đồng tại Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND tỉnh; Và 11,957 tỷ đồng tại Nghị quyết số 140/NQ-HĐND ngày 25/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện).

5. Thời gian thực hiện dự án: Hoàn thành trong năm 2022.

6. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Xuân An, huyện Nghi Xuân.

7. Quy mô xây dựng và các thông số kỹ thuật chủ yếu:

7.1. Hệ thống đường giao thông:

- Bình đồ tuyến: Bình đồ tuyến thiết kế theo quy hoạch chi tiết hệ thống giao thông huyện Nghi Xuân đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt.

- Trắc dọc tuyến: Thiết kế nâng cấp mở rộng trên nền mặt đường cũ. Cao độ đường đi bám sát mặt đường cũ để giảm thiểu tối đa bù vênh trên mặt đường cũ, tham khảo cao độ thiết kế theo quy hoạch, kết hợp hài hoà giữa các yếu tố, đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

- Quy mô:

+ Xây dựng 02 tuyến đường có tổng chiều dài $L=3.126,29\text{m}$; Tuyến 01 (Đường Nguyễn Xí) dài $L=2.621,42\text{m}$; điểm đầu Km0+00 giao với đường Nguyễn Nghiễm, điểm cuối Km2+621,42 nối với đường ĐT547; Tuyến 02 (Đường Phan Đình Linh) dài $L=504,87\text{m}$; điểm đầu tuyến Km0+00 giao đường Nguyễn Nghiễm, điểm cuối Km0+504,87 giao đê hữu Sông Lam thuộc địa phận Thị trấn Xuân An. Độ dốc dọc đường đồ lớn nhất là $i_{\max}=0.48\%$, dốc dọc đường đồ nhỏ nhất là $i_{\min}=0.00\%$.

+ Cấp đường: Thiết kế theo quy hoạch hệ thống giao thông huyện Nghi Xuân (tương đương tiêu chuẩn đường phố gom – TCXDVN 104-2007);

+ Tốc độ thiết kế $V_{tk}=60\text{km/h}$.

- Mặt cắt ngang đường

+ Tuyến 01 đoạn Km0+00 đến Km0+626,06: $B_{\text{nền}}=15,0\text{m}$; $B_{\text{mặt}}=11,0\text{m}$; $B_{\text{via h\`e}}=2\times 2=4,0\text{m}$; dốc ngang mặt đường $I_{\text{mặt}}=2\%$; dốc ngang vỉa hè $I_{\text{v\`ia h\`e}}=1,5\%$. Đoạn Km0+736,57 đến Km2+621,42: $B_{\text{nền}}=15,0\text{m}$; $B_{\text{mặt}}=11,0\text{m}$; $B_{\text{l\`e}}=2\times 2=4,0\text{m}$; dốc ngang mặt đường $I_{\text{mặt}}=2\%$; dốc ngang lề $I_{\text{l\`e}}=4\%$.

+ Tuyến 02: $B_{\text{nền}}=11,0\text{m}$, $B_{\text{mặt}}=7,0\text{m}$, $B_{\text{via h\`e}}=2\times 2=4,0\text{m}$; dốc ngang mặt đường $I_{\text{mặt}}=2\%$; dốc ngang vỉa hè $I_{\text{v\`ia h\`e}}=1,5\%$;

- Mặt đường: Kết cấu mặt đường mở rộng, làm mới: Lớp bê tông nhựa chặt C19 dày 7cm; lớp nhựa dính bám, tiêu chuẩn nhựa $1,0\text{kg/m}^2$; lớp móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 20cm; lớp móng cấp phối đá dăm loại 2 dày 30cm; Kết cấu mặt đường nâng cấp: Lớp bê tông nhựa chặt C19 dày 7cm; lớp nhựa dính bám, tiêu chuẩn nhựa $1,0\text{kg/m}^2$; lớp móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 12cm; lớp bù vênh bằng cấp phối đá dăm.

- Mô đun kết cấu áo đường: $E_{yc} \geq 140\text{Mpa}$.

- Nền đường: Ta luy nền đường đắp 1/1,5; nền đường đắp đất đòi đạt độ chặt $K \geq 0,95$, $\text{CBR} \geq 4$, riêng lớp đất đắp dưới kết cấu áo đường đầm chặt $K \geq 0,98$, dày 50cm.

- Vỉa hè: Hè đường lát gạch Terrazzo dày 3cm trên lớp vữa dày 2cm; lớp móng bằng bê tông mác 100, đá 2x4 dày 10cm.

7.2. Hệ thống cống thoát nước qua đường

- Bố trí 06 cống hộp khẩu độ $B \times H = 1 \times 1\text{m}$. Kết cấu móng cống, tường cánh, sân cống bằng bê tông mác 150 đá 2x4, thân cống bằng bê tông cốt thép mác 250, bản giảm tải bằng bê tông cốt thép mác 250, gia cố thượng, hạ lưu bằng đá hộc xây vữa xi măng M100.

- Bố trí 01 cống hộp khẩu độ $n \times B \times H = 2 \times (2 \times 2)\text{m}$ qua đường. Kết cấu móng cống, tường cánh, sân cống bằng bê tông mác 150 đá 2x4, thân cống bằng bê tông cốt thép mác 300, bản giảm tải bằng bê tông cốt thép mác 250, gia cố thượng, hạ lưu bằng đá hộc xây vữa xi măng M100.

7.3. Hệ thống ống luồn kỹ thuật

Tại vị trí Km0+16,85 và Km0+638,06 (Tuyến 01): Mỗi vị trí bố trí 2 hố thu kết hợp ống luồn kỹ thuật bằng thép đen 4D=4x0,2m (Km0+16,85) và 2D=2x0,4m (Km0+638,06). Kết cấu hố thu: Thân, đáy cống bằng bê tông cốt thép mác 200 dày 15cm, trên lớp đá dăm đệm dày 10cm, tấm đan bằng bê tông cốt thép mác 200, dày 10cm.

7.4. Hệ thống thoát nước dọc

- Cống thoát nước mưa: Bố trí chạy dọc vỉa hè theo hệ thống giao thông, cống hình chữ nhật kích thước $B \times H_{tb} = 0,6 \times 1,0m$, chiều dài $L = 1.900,71m$. Kết cấu: Thân, đáy cống bằng bê tông cốt thép mác 200 dày 15cm, trên lớp đá dăm đệm dày 10cm, tấm đan bằng bê tông cốt thép mác 200, dày 10cm.

- Cống dọc chịu lực: Bố trí tại các vị trí giao với đường ngang, cống hình chữ nhật kích thước $B \times H_{tb} = 0,6 \times 1,0m$, chiều dài $L = 133m$; kết cấu: Thân, đáy cống bằng bê tông cốt thép mác 250 dày 15cm, móng bằng bê tông xi măng mác 200 đá 2x4 dày 20cm trên lớp đá dăm đệm dày 10 cm.

- Hố ga: Bố trí trung bình khoảng cách 35m/1 hố ga, kích thước $A \times B = 1,2 \times 1,2m$ bằng bê tông cốt thép mác 200, dày 15cm; tấm nắp đáy bằng bê tông cốt thép mác 200, dày 10cm. Móng hố thu đặt trên lớp bê tông đệm mác 150 dày 10cm và lớp lót bằng đá dăm dày 10 cm.

7.5. Hệ thống an toàn giao thông

Bố trí 31 biển báo an toàn giao thông giao nhau với đường ưu tiên W.208, W.207b, W.207c, I.423 tại các điểm giao cắt. Sơn vạch kẻ đường với tổng diện tích $S = 965,34m^2$ phân chia hai chiều xe chạy và vạch sơn người đi bộ qua đường.

7.6. Hệ thống điện chiếu sáng

- Tuyến đường chính: Hệ thống chiếu sáng được bố trí nằm trên vỉa hè một bên đường. Cột chiếu sáng sử dụng cột thép cao 11m (bao gồm thân cột dùng cột bát giác tròn côn cao 9m và cần đèn đơn cao 2m, vươn 1,5m). Phía trên lắp chóa cao áp Led 150W đặt trên vỉa hè 1 bên đường chiếu sáng cho lòng đường và vỉa hè.

- Tuyến đường nhánh: Hệ thống chiếu sáng được bố trí nằm trên vỉa hè một bên đường theo kiểu chiếu sáng một phía. Cột chiếu sáng sử dụng cột thép cao 8m (bao gồm thân cột dùng cột bát giác tròn côn cao 6m và cần đèn đơn cao 2m, vươn 1,5m). Phía trên lắp chóa cao áp Led 150W để chiếu sáng cho lòng đường và vỉa hè.

- Hệ thống chiếu sáng đầu nối điện tại trạm biến áp khu vực dân cư. Tủ điện chiếu sáng được lắp đặt trên móng tủ điều khiển.

+ Tủ điều khiển chiếu sáng tuyến chính (TĐCS1): Lấy nguồn từ trạm biến áp Xuân An 17 (CS 100KVA).

+ Tủ điều khiển chiếu sáng tuyến nhánh (TĐCS2): Lấy nguồn từ trạm biến áp Xuân An 4 (CS 400KVA).

* Dây cáp điện:

- Dây cáp điện được chọn dựa trên cơ sở tổn thất điện áp $\Delta U\%$ trên tuyến cáp.

- Cấp cáp nguồn từ điểm đầu nối trên lưới hạ thế hiện trạng đến tủ chiếu sáng sử dụng cáp: Cu/XPLE /PVC/DSTA/PVC 4x25mm²

- Cấp cáp điện từ tủ điều khiển cấp cho các đèn trên tuyến sử dụng các loại cáp: Cu/XPLE /PVC/DSTA/PVC 4x35mm²; Cu/XPLE /PVC/DSTA/PVC 4x25mm² cho tuyến đường chính và cáp Cu/XPLE /PVC/DSTA/PVC 4x16mm² cho tuyến đường nhánh;

- Dây dẫn từ bảng điện cột lên đèn: Sử dụng loại dây Cu/XPLE/PVC/0,4kV
- 3x2,5mm² cho các đèn

Cáp phải do các cơ sở sản xuất phù hợp tiêu chuẩn: TCVN 5935-1995 hoặc IEC502-1983.

Toàn bộ hệ thống cáp được chôn ngầm trong hào cáp ở độ sâu 0,7m; những vị trí phải qua đường và kênh mương luôn trong ống thép tráng kẽm F60, toàn bộ cáp đi trên vỉa hè được bảo vệ bằng ống nhựa gân xoắn HDPE loại F65/50; D50/40.

II. PHẦN CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN:

Tổng hợp phần công việc đã thực hiện có giá trị là **1.251.499.918 đồng** gồm: Chi phí khảo sát, lập dự án đầu tư; chi phí khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công; chi phí thẩm định dự án; chi phí thẩm định TKBVTC; Chi phí thẩm tra dự toán bước TKBVTC:

Bảng số 01: Phần công việc đã thực hiện

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu	Đơn vị thực hiện	Giá trị thực hiện	Văn bản phê duyệt
1	Chi phí khảo sát, lập dự án đầu tư	Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Thịnh Tiến	415.303.372	QĐ số 1086/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của UBND tỉnh
2	Chi phí khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công	Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Thịnh Tiến	756.582.000	QĐ số 1636/QĐ-UBND ngày 29/04/2021 của UBND huyện
3	Chi phí thẩm định dự án đầu tư	Sở Xây dựng	9.072.000	
4	Chi phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	Sở Xây dựng	27.703.420	
5	Chi phí thẩm tra dự toán	Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Thái Thịnh	42.839.126	
Tổng cộng giá trị: 1.251.499.918 đồng				

III. PHẦN CÔNG VIỆC KHÔNG ÁP DỤNG HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Phần công việc không áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu có giá trị **13.665.315.045 đồng** gồm: Chi phí Quản lý dự án; chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán; Chi phí phẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu; Chi phí kiểm tra, nghiệm thu bàn giao; Chi phí dự phòng, cụ thể:

Bảng số 02: Phần công việc không áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Giá trị
1	Chi phí Quản lý dự án	Ban QLDA huyện	701.289.000

2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Sở Tài chính	129.542.016
3	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu xây lắp và giám sát	Phòng Tài chính kế hoạch	32.009.029
4	Chi phí kiểm tra, nghiệm thu bàn giao		100.000.000
5	Chi phí GPMB		9.150.566.000
6	Chi phí dự phòng		3.551.909.000
Tổng cộng giá trị: 13.665.315.045 đồng			

IV. PHẦN CÔNG VIỆC THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

1. Bảng số 03: Tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu 01.XL Xây lắp nền, mặt đường và các công trình trên tuyến	32.009.029.000	Ngân sách tỉnh từ các nguồn tăng thu (bao gồm cả tăng thu tiền đất), tiết kiệm chi;	Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Tháng 5/ 2021	Theo đơn giá điều chỉnh	18 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
2	Gói thầu 02.TVGS	814.307.000	nguồn XDCB tập trung bổ sung trong kế hoạch đầu tư công	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Tháng 5/ 2021	Trọn gói	Theo tiến độ thi công XL
3	Gói thầu 03.BH bảo hiểm công trình	96.027.000	trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và nguồn NSTW hỗ	Chỉ định thầu		Tháng 5/ 2021	Trọn gói	Theo quy định

			trợ cân đối cho địa phương (nếu có); các nguồn vốn hợp pháp khác.					
4	Gói thầu 04.TVLCNT Tư vấn lựa chọn nhà thầu	80.357.000		Chỉ định thầu		Tháng 5/2021	Trọn gói	Theo quy định
5	Gói thầu 05.TVKT Tư vấn Kiểm toán công trình	205.033.000		Chỉ định thầu			Trọn gói	Theo quy định
6	Gói thầu 06.TĐGPMB trích đo giải phóng mặt bằng	100.000.000		Chỉ định thầu		Tháng 5/2021	Trọn gói	Theo quy định
Tổng cộng giá trị các gói thầu: 33.304.753.000 đồng								

2. Giải trình nội dung kế hoạch đấu thầu:

a. Cơ sở phân chia gói thầu:

- Gói thầu 01.XL.01: Xây lắp nền, mặt đường và các công trình trên tuyến.
- Gói thầu 02.TVGS: Tư vấn giám sát gói thầu xây lắp XL.01.
- Gói thầu 03.BH: Bảo hiểm công trình
- Gói thầu 04.TVLCNT: Tư vấn lựa chọn nhà thầu
- Gói thầu 05.TVKT: Tư vấn kiểm toán công trình.
- Gói thầu 06.TĐGPMB: Tư vấn trích đo giải phóng mặt bằng

Giá gói thầu được xác định trên cơ sở dự toán điều chỉnh do Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Thịnh Tiến lập được phê duyệt tại Quyết định số 1636/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của UBND huyện.

c. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh từ các nguồn tăng thu (bao gồm cả tăng thu tiền đất), tiết kiệm chi; nguồn XDCB tập trung bổ sung trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và nguồn NSTW hỗ trợ cân đối cho địa phương (nếu có); các nguồn vốn hợp pháp khác. (Đã được bố trí 15 tỷ đồng tại Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND tỉnh; Và 11,957 tỷ đồng tại Nghị quyết số 140/NQ-HĐND ngày 25/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện).

d. Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu:

- Gói thầu 01.XL: Đấu thầu rộng rãi trong nước.
- Gói thầu 02.TVGS: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng

- Các gói còn lại: Chỉ định thầu.
- đ. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 5/2021.
- e. Loại hợp đồng:
 - Gói thầu XL.01: Áp dụng hình thức hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.
 - Các gói còn lại: Áp dụng hình thức hợp đồng trọn gói.
- g. Thời gian thực hiện hợp đồng:
 - Gói thầu 01.XL: 18 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
 - Gói thầu 02.TVGS: Theo tiến độ thi công gói thầu XL.01.
 - Gói thầu 03.BH: Theo quy định.
 - Gói thầu 04.TVLCNT: Theo quy định.
 - Gói thầu 05.TVKT: Theo quy định
 - Gói thầu 06. TĐGPMB: 30 ngày

V. PHẦN CÔNG VIỆC CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN LẬP KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Bảng số 04: Phần công việc chưa đủ điều kiện lập KHLCNT.

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)

VI. TỔNG GIÁ TRỊ CÁC PHẦN CÔNG VIỆC

Bảng số 5: Tổng hợp các phần công việc

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	1.251.499.918
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	13.665.315.045
3	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	33.304.753.000
4	Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)	0
Tổng giá trị các phần công việc		48.221.567.963
Tổng dự toán		48.221.569.000

VI. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở những nội dung nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân Kính đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo.

Kính mong được sự quan tâm của cấp trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, BQLDA.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hải Nam